TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **173**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai.

2. Ông Nguyễn Thành Châu.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Hà Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 24/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2022 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2293/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 5767/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L), sinh năm 1974; Địa chỉ: 9430 X # 501 Y, QC H1R 0C7 Canada; Địa chỉ tại Việt Nam: T5-B0910, chung cư A - 159 Đường B, phường C, thành phố Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M), sinh năm 1976; quốc tịch: Canada; địa chỉ: 2666 Z, Apt #1. J QC H2A 1V3 Canada. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 28/4/2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/01/1997, giấy chứng nhận kết hôn số 213 theo Trích lục kết hôn số 7683/TLKH-BS ngày 28/6/2021 do Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Sau khi kết hôn, ông và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) sống chung với nhau được khoảng 12 năm. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng tư tưởng, văn hóa, quan điểm sống. Đến năm 2009, ông và bà M không chung sống với nhau nữa, cả hai hiện không còn liên lạc với nhau nên khả năng để hàn gắn tình cảm vợ chồng và giải quyết mâu thuẫn không có, cuộc sống vợ chồng dần phai nhạt, không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M).

Về con chung: Ông L và bà M có 03 con chung tên Ngô Thùy T (T Thuy Ngo), sinh năm 2000, giới tính: Nữ; Ngô Minh H (Ngo H Minh), sinh năm 2003, giới tính: Nam và Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan), sinh ngày 12/3/2007, giới tính: Nữ.

Hiện nay con chung tên Ngô Thùy T (T Thuy Ngo) và Ngô Minh H (Ngo H Minh) đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với con chung tên Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan), đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng nên Ông L đồng ý giao cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) yêu cầu chia đôi số tiền 66.000 đô la Canada, mỗi người ½ mà bà M đã lấy gởi về Việt Nam.

Ngày 05/4/2023, ông Ngô Đức L có đơn rút lại yêu cầu nêu trên, tự thỏa thuận và giải quyết với bà M nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) khai không có.

Ông L có đơn yêu cầu xin được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Bị đơn là bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M), trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý, hòa giải và xét xử vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Canada theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) khởi kiện yêu cầu ly hôn (theo hồ sơ ủy thác tư pháp số 443/TTTPDS-TA30 ngày 19/6/2023). Ngày 13/9/2023, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản số 2328/CH-BTP ngày 29/8/2023 về việc Bộ Tư pháp đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp đến Bộ Tư pháp bang Quebec, Canada để tống đạt giấy tờ đối với đương sự Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M).

Ngày 02/02/2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản trình bày nội dung và đơn đề nghị xét xử vắng mặt của bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) đã được xác nhận của Đại sứ quán nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Ốt-ta-oa, Canada. Bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) thống nhất với lời khai của Ông L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Bà M đồng ý ly hôn với Ông L và đồng ý nuôi dưỡng con chung tên Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan), sinh ngày 12/3/2007, không yêu cầu Ông L cấp dưỡng nuôi con.

Vì điều kiện đi lại khó khăn nên bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về địa vị tố tụng và đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Về nội dung: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn cũng được bị đơn đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về con chung: Ông L và bà M có 03 con chung tên Ngô Thùy T (T Thuy Ngo) sinh năm 2000, giới tính: Nữ; Ngô Minh H (Ngo H Minh) sinh năm 2003, giới tính: Nam và Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan), sinh ngày 12/3/2007, giới tính: Nữ. Hiện nay con chung tên Ngô Thùy T (T Thuy Ngo) và Ngô Minh H (Ngo H Minh) đã trưởng thành nên Tòa không xem xét. Riêng con chung tên Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan) Ông L đồng ý giao cho bà M tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng nên được ghi nhận.

Về tài sản chung: Do Ông L có đơn rút lại yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết.

Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn là ông Ngô Đức L (Ngo Duc L), Hội đồng xét xử nhận thấy Ông L và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận. Xét, đây là hôn nhân hợp pháp khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn thì Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Do nguyên đơn, bị đơn hiện cư trú tại nước ngoài nhưng bị đơn là công dân Việt Nam và việc đăng ký kết hôn (xác lập quan hệ hôn nhân) được thực hiện tại Việt Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37, Điều 469, Điều 470 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều

228, Điều 474, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn:

Căn cứ vào lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Cuộc sống vợ chồng giữa Ông L và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) lúc đầu có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung; hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã không chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Hiện nay, Ông L đang cư trú tại Việt Nam và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) thì sinh sống ở Canada. Do khoảng cách địa lý, thời gian sống chung vợ chồng không lâu, hoàn cảnh mỗi người mỗi nơi nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng không có cơ hội hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được hạnh phúc nên Ông L yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M).

Bên cạnh đó, bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) cũng đồng ý ly hôn với Ông L vì nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, để đôi bên tự ổn định cuộc sống riêng của mình.

Từ những lý do trên, nhận thấy mục đích hôn nhân giữa Ông L và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Ngô Đức L (Ngo Duc L).

Về con chung: 03 con chung tên Ngô Thùy T (T Thuy Ngo) sinh năm 2000, giới tính: Nữ; Ngô Minh H (Ngo H Minh) sinh năm 2003, giới tính: Nam và Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan), sinh ngày 12/3/2007, giới tính: Nữ. Con chung tên Ngô Thùy T (T Thuy Ngo) và Ngô Minh H (Ngo H Minh) đã trưởng thành nên Tòa không xem xét. Đối với con chung tên Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan), hiện nay trẻ Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan) đang do bà M trực tiếp nuôi dưỡng và nguyện vọng của con cũng mong muốn sống cùng mẹ. Ngoài ra, Ông L cũng đồng ý giao trẻ Ngô Xuân T1 (Ngo T1 Xuan) cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà M không yêu Ông L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Xét thấy, sự thỏa thuận này của Ông L và bà M là phù hợp với quy định pháp luật nên được ghi nhận.

Về tài sản chung: Do ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) rút lại yêu cầu chia tài sản chung nên Tòa án đình chỉ giải quyết.

Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) khai không có nên Tòa không xét.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) phải chịu theo quy định của pháp luật.

Về phí ủy thác tư pháp và các chi phí khác ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) chịu theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 217, Điều 273, Điều 277, Điều 278, Điều 469, Điều 470, Điều 477 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Thông tư 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Đức L (Ngo Duc L).

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) được ly hôn bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M).

1.2. Về con chung: Con chung tên Ngô Thùy T (Ngo Thuy Trinh) sinh năm 2000, Ngô Minh H (Ngo Minh Huy) sinh năm 2003 đã trưởng thành nên Tòa án không xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) và bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) giao con chung tên Ngô Xuân T1 (Ngo Xuan Thy), sinh ngày 12/3/2007 cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của ông Ngô Đức

L (Ngo Duc L) do Ông L rút yêu cầu.

1.4. Về nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa không xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) chịu, được khấu trừ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001259 ngày 31/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) số tiền 13.562.000đ (Mười ba triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0001259 ngày 31/12/2021 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh (người nộp Võ Thị Xuân Chi).

3. Ông Ngô Đức L (Ngo Duc L) được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Đối với bà Nguyễn Thùy Phương M (Nguyen M) thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.(Linh/18b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN–CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thủy Tiên

HNST2021TATP-1079
1 000105 439216
09.03.2023 11:11
Ngo Duc Loi (Ngô Đức Lợi)